

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: 597 /ĐHV-KHHTQT ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

HỒ SƠ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

TÊN ĐỀ TÀI.....

Mã số:

Chủ nhiệm đề tài:

Nghệ An, 2023

Mẫu 6. Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. TÊN ĐỀ TÀI		2. MÃ SỐ											
3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU Khoa học Tự nhiên ☐ Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ ☐ Khoa học Y, dược ☐ Khoa học Nông nghiệp ☐ Khoa học Xã hội ☐ Khoa học Nhân văn ☐		4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU Cơ bản ☐ Ứng dụng ☐ Triển khai ☐											
5. THỜI GIAN THỰC HIỆN 24 tháng Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 12 năm 2025													
6. TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI Tên tổ chức chủ trì: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH Điện thoại: (0238) 3855.452 E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Địa chỉ: Số 182, Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì: GS.TS. Nguyễn Huy Bằng													
7. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Họ và tên:</td> <td style="width: 50%;">Học vị:</td> </tr> <tr> <td>Chức danh khoa học:</td> <td>Năm sinh:</td> </tr> <tr> <td>Địa chỉ cơ quan:</td> <td>Điện thoại di động:</td> </tr> <tr> <td>Điện thoại cơ quan:</td> <td>Fax:</td> </tr> <tr> <td>E-mail:</td> <td></td> </tr> </table>				Họ và tên:	Học vị:	Chức danh khoa học:	Năm sinh:	Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại di động:	Điện thoại cơ quan:	Fax:	E-mail:	
Họ và tên:	Học vị:												
Chức danh khoa học:	Năm sinh:												
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại di động:												
Điện thoại cơ quan:	Fax:												
E-mail:													
8. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI (Đề nghị ghi rõ chức danh: Chủ nhiệm đề tài; Thành viên chính; Thư ký khoa học; Thành viên; Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ)													
TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao	Chữ ký									
1													
2													
3													
9. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH													
Tên đơn vị trong và ngoài nước		Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị										



10. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC				
10.1. Trong nước <i>(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)</i>				
10.2. Ngoài nước <i>(phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)</i>				
10.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu <i>(họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản)</i>				
a) Của chủ nhiệm đề tài				
b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu				
<i>(Những công trình được công bố trong 5 năm gần nhất)</i>				
11. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI				
12. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI				
13. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU				
13.1. Đối tượng nghiên cứu				
13.2. Phạm vi nghiên cứu				
14. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU				
14.1. Cách tiếp cận				
14.2. Phương pháp nghiên cứu				
15. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN				
15.1. Nội dung nghiên cứu <i>(Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài)</i>				
15.2. Tiến độ thực hiện				
STT	Các nội dung, công việc thực hiện	Sản phẩm	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện
1				
2				
3				
16. SẢN PHẨM				
Stt	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu chất lượng sản phẩm <i>(mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...)</i>	
I	Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học...)			
1.1				
1.2				
...				

II	Sản phẩm đào tạo (Cử nhân, Thạc sỹ, Tiến sỹ,...)		
2.1			
2.2			
...			
III	Sản phẩm ứng dụng		
3.1			
3.2			
...			
17. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG 17.1. Phương thức chuyển giao 17.2. Địa chỉ ứng dụng 18. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 18.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo 18.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan 18.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội 18.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu			



19. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**Kinh phí thực hiện đề tài:**

Trong đó:

Ngân sách Nhà nước:

Các nguồn khác:

Stt	Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
				Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác	
1	Chi thù lao tham gia đề tài					
2	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu					
3	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định					
4	Chi hội thảo khoa học, công tác phí					
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu					
6	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu					
7	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn					
8	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
	Tổng cộng					

(Dự toán chi tiết các mục chi kèm theo và xác nhận của cơ quan chủ trì).

Ngày.....tháng.....năm 2023

Tổ chức chủ trì

(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 2023

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

Ngày...tháng...năm.....

Cơ quan chủ quản duyệt**TL. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

DANH MỤC VĂN BẢN PHỤC VỤ LẬP DỰ TOÁN

I. Văn bản

1. Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
2. Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Quyết định số 5830/QĐ-BGDDT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ có sử dụng ngân sách Nhà nước của Bộ GDĐT.
4. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.
6. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.
7. Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
8. Các văn bản liên quan khác.



II. Hướng dẫn khoản chi, nội dung chi

STT	Khoản chi, nội dung chi	Quy định áp dụng
1	Chi thù lao tham gia đề tài	- Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu	- Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. - 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng.
3	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định	- Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. - 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng.
4	Chi hội thảo khoa học, công tác phí	- Hội thảo khoa học: Quyết định 5830/QĐ-BGDDT ngày 27/11/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính. - Công tác phí: Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4 /2017 của Bộ Tài chính.
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu	- Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. - 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng.
6	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính.
7	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn	Không quá 2% tổng kinh phí đề tài.
8	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở	Không quá 50% định mức nghiệm thu chính thức quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính.
9	Chi quản lý chung	Không quá 5% tổng kinh phí đề tài
10	Chi khác	Vận dụng quy định hiện hành

* **Lưu ý:** Nếu mục chi nào không chi thì ghi số 0 vào cột tổng kinh phí và chỉ giải trình (trong Phụ lục 2) các khoản chi nếu đề tài có chi.

GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC MỤC CHI

Mục 1. Thù lao tham gia đề tài: (đối với chức danh chủ nhiệm đề tài tối đa bằng 70% định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính).

1.1. Tổng hợp thù lao tham gia đề tài

Số TT	Chức danh thực hiện đề tài	Hệ số lao động khoa học	Tổng số tháng thực hiện đề tài	Tổng thù lao (đồng)	Nguồn kinh phí (đồng)	
					Từ NSNN	Nguồn khác
1	Chủ nhiệm đề tài	1,0				
2	Thư ký khoa học	0,3				
3	Thành viên chính	0,8				
4	Thành viên	0,4				
8	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2				
	Cộng					

1.2. Chi tiết thù lao tham gia đề tài

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn kinh phí	
							Từ NSNN	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9
I	Thù lao chung của chủ nhiệm và thư ký khoa học							
1	Nguyễn Văn A	1,0	1					
2	Nguyễn Văn B	0,3	1					
II	Thù lao thực hiện các nội dung nghiên cứu							
1	Nội dung 1: ...[tên nội dung]....							
1.1	Công việc 1: ...[tên công việc]....							
	Thù lao thành viên chính	0,8						
	Thù lao nhóm thành viên	0,4						
	Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2						
1.2	Công việc 2: ...[tên công việc]....							
	Thù lao thành viên chính	0,8						
	Thù lao nhóm thành viên	0,4						
	Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2						
1.3	Công việc 3: ...[tên công việc]....							
2	Nội dung 2: ...[tên nội dung]....							
2.1	Công việc 1: ...[tên công việc]....							
	Thù lao thành viên chính	0,8						
	Thù lao nhóm thành viên	0,4						

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện đề tài	Nguồn kinh phí	
							Từ NSNN	Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6	8	9
	Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2						
2.2	Công việc 2: ...[tên công việc]....							
	Thù lao thành viên chính	0,8						
	Thù lao nhóm thành viên	0,4						
	Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2						
2.3	Công việc 3: ...[tên công việc]....							
	Tổng cộng							

Mục 2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu: (Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)).

Số TT	Khoản chi, nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyên, vật liệu						
1.1							
1.2							
...							
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng						
3	Năng lượng, nhiên liệu						
...							
	Tổng cộng						

Mục 3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: (Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)).

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Mua mới						
1.1							
1.2							
...							
2	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)						
...							
	Tổng cộng						

Mục 4. Chi hội thảo, công tác phí: (Hội thảo khoa học: Quyết định 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ GDĐT, Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính; Công tác phí: Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính).

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hội thảo						
1.1	Người chủ trì						
1.2	Thư ký Hội thảo						
1.3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo						
1.4	Báo cáo khoa học đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo						
1.5	Thành viên tham gia Hội thảo						
	...						
2	Công tác phí						

Mục 5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu: (Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)).

Mục 6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu (Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính).

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu (nội dung điều tra khảo sát, số ngày, số người, công tác phí...)						
1.1							
1.2							
...							

Mục 7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn: (Không quá 2% tổng kinh phí đề tài).

Mục 8. Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở: (Không quá 50% định mức nghiệm thu chính thức quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính).

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chủ tịch						
2	Thành viên Hội đồng						
3	Thư ký hành chính						
4	Đại biểu dự						
5	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng						
6	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện						

Mục 9. Chi quản lý chung: (Không quá 5% tổng kinh phí đề tài).

Mục 10. Chi khác: (Vận dụng các quy định hiện hành).

Ngày tháng năm 2023

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2023

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Mẫu 7. Tiềm lực khoa học của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ

TIỀM LỰC KHOA HỌC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kèm theo Thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ)

A. Thông tin về chủ nhiệm và các thành viên tham gia nghiên cứu đề tài:

1. Chủ nhiệm đề tài:

1.1. Các hướng nghiên cứu khoa học chủ yếu:

1.2. Kết quả nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây:

- Chủ nhiệm hoặc tham gia chương trình, đề tài khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

Stt	Tên chương trình, đề tài	Chủ nhiệm	Tham gia	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kết quả nghiệm thu

- Công trình khoa học đã công bố (chỉ nêu tối đa 5 công trình tiêu biểu nhất):

Stt	Tên công trình khoa học	Tác giả/Đồng tác giả	Địa chỉ công bố	Năm công bố

1.3. Kết quả đào tạo trong 5 năm gần đây:

- Hướng dẫn thực sỹ, tiến sỹ:

Stt	Tên đề tài luận văn, luận án	Đối tượng		Trách nhiệm		Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ
		Nghiên cứu sinh	Học viên cao học	Chính	Phụ		

- Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

Stt	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Chủ biên hoặc tham gia

2. Các thành viên tham gia nghiên cứu (mỗi thành viên chỉ nêu tối đa 3 công trình tiêu biểu nhất):

Stt	Họ tên thành viên	Tên công trình khoa học	Địa chỉ công bố	Năm công bố

B. Tiềm lực về trang thiết bị của tổ chức chủ trì đề tài:

Stt	Tên trang thiết bị	Thuộc phòng thí nghiệm	Mô tả vai trò của thiết bị đối với đề tài	Tình trạng

Ngày tháng năm 2023

Xác nhận của tổ chức chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

